

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Căn cứ khoản 2 Điều 149, 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 482/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2025 về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:*

1. Anh **Huỳnh Quốc V**, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Chị **Phạm Thị G**, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Số A, khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị G và anh Huỳnh Quốc V xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ nên thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh T và chị D xác định có 01 con chung là cháu Huỳnh Thị Yến V1, sinh ngày 25 tháng 02 năm 2007. Do con chung đã thành niên và đủ khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Không có.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về Lệ phí Tòa án: Chị G và anh V nộp theo quy định của pháp luật.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải đoàn tụ không thành ngày 28 tháng 11 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị G và anh Huỳnh Quốc V thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung là cháu Huỳnh Thị Yến V1, sinh ngày 25 tháng 02 năm 2007. Do con chung đã thành niên và đủ khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Các đương sự xác định không, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Phạm Thị G và anh Huỳnh Quốc V nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005979 ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các điều 7, 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- Nơi ĐKKH (UBND P. Hoà An - Giấy CNKH số 125/2010);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Vũ Bảo